

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẠ HÒA
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/HNGĐ - ST

Ngày: 04/4/2025

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ HÒA, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hưng Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Tạ Văn Thọ

2. Bà Nguyễn Thị Thu Hương

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Chu Xuân Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thắm - Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 04 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 255/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2025/QĐXX-ST ngày 10 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện H và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24/3/2025 của Hội đồng xét xử giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1993;

- Bị đơn: Anh Lại Tiến T, sinh năm 1989;

Đều có địa chỉ: Khu A, xã M, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

(Chị D có mặt, anh T vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Tôi và anh Lại Tiến T kết hôn với nhau vào ngày 07/02/2014 tại UBND xã M, huyện H, tỉnh Phú Thọ đăng ký kết hôn, sau khi kết hôn tôi về làm dâu gia đình nhà anh T tại khu A, xã M, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống của vợ

chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T chơi bời sa vào cờ bạc, hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh T vẫn không thay đổi, khiến cho vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng nên cả hai đã ly thân từ ngày 24/10/2024 cho đến nay. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh T để giải phóng cho cả hai người.

Về con chung: Tôi xác định vợ chồng có 02 con chung cháu Lại Duy K, sinh ngày 07/11/2014 và cháu Lại Huy D1, sinh ngày 08/7/2016. Sau ly hôn tôi xin được nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng tôi.

Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: Tôi không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lại Tiến T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị D đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 07/02/2014 và được UBND xã M, huyện H, tỉnh Phú Thọ đăng ký kết hôn, quá trình chung sống của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc tuy có xảy ra mâu thuẫn nhưng không đáng kể, không đến mức trầm trọng như chị D đã trình bày. Nay phía chị D xin ly hôn, quan điểm của anh là tuy vợ chồng có mâu thuẫn, nhưng vẫn còn tình cảm với nhau, nên anh xin đoàn tụ.

Về con chung: Anh cũng xác định vợ chồng có 02 con chung, tên tuổi như chị D trình bày là đúng, nếu phải ly hôn anh đề nghị được nuôi dưỡng cả hai cháu và không đề nghị chị D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: Anh cũng không đề nghị Tòa án giải quyết gì.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành triệu tập và thông báo các đương sự đến tòa án để giải quyết, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải theo quy định của pháp luật, chị D và anh T đều có mặt.

Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của chị Nguyễn Thị D và anh Lại Tiến T tại UBND xã M, huyện H, tỉnh Phú Thọ được chính quyền địa phương cho biết anh chị tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn với nhau vào ngày vào ngày 07/02/2014 tại UBND xã, sau khi kết hôn chị D về chung sống tại gia đình bố mẹ chồng. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai anh chị cụ thể như thế nào chính quyền địa phương không nắm rõ vì vợ chồng anh chị không thường xuyên chung sống tại địa phương, chính quyền địa phương không nhận được bất kỳ đơn đề nghị hòa giải hay bất kỳ đơn thư nào của chị D, anh T. Tuy nhiên hiện nay chị D đã về nhà bố mẹ đẻ tại xã V, huyện H, tỉnh Phú Thọ sinh sống. Còn

anh T lao động tự do tại địa phương và cũng có thời gian làm việc tại Hà Nội. Về con chung vợ chồng chị D anh T có 02 cháu là Lại Duy K, sinh ngày 07/11/2014 và Lại Huy D1, sinh ngày 08/7/2016. Hiện nay các cháu đang sống cùng bố mẹ đẻ của anh T tại khu A, xã M, huyện H, tỉnh Phú Thọ từ nhỏ đến giờ. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, căn cứ vào tình hình thực tế để giao con chung cho bố, mẹ nuôi dưỡng để phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự, đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung chưa thành niên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hòa có quan điểm giải quyết vụ án như sau:

* Về tố tụng: Vụ án được thụ lý đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Những người tham gia tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 - BLTTDS. Tại các phiên tòa bị đơn chưa chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của mình tại Điều 70, 72 - BLTTDS.

* Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 - Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Lại Tiến T.

- Về con chung: Đề nghị xử giao cháu Lại Huy D1, sinh ngày 08/7/2016 cho chị Nguyễn Thị D được trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Lại Duy K, sinh ngày 07/11/2014 cho anh Lại Tiến T được trực tiếp nuôi dưỡng; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

- Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết do các bên không yêu cầu.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị D và anh Lại Tiến T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Các đương sự đều có nơi cư trú tại xã M, huyện H, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập chị Nguyễn Thị D và anh Lại Tiến T đến Tòa án để giải quyết theo trình tự của pháp luật. Tuy nhiên tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chị D và anh T không thống nhất được với nhau về việc giải quyết quan hệ hôn nhân và con chung. Vì vậy Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung của pháp luật.

Ngày 10/3/2025 Tòa án ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử ấn định ngày mở phiên tòa vào ngày 24/3/2024, quyết định này đã được tổng đạt cho các đương sự. Đến ngày xét xử chị D có mặt, anh T vắng mặt không có lý do. HĐXX Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa căn cứ vào khoản 1 Điều 227 - BLTTDS ra quyết định hoãn phiên tòa theo quy định chung của pháp luật và ấn định ngày xét xử trong Quyết định hoãn phiên tòa, đồng thời tiến hành giao, gửi quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay chị D có mặt, anh T vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và Lại Tiến T kết hôn với nhau vào ngày 07/02/2014 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được UBND xã M, huyện H, tỉnh Phú Thọ đăng ký kết hôn. Đây là một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chị D cho rằng anh T chơi bời, sa vào cờ bạc, hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh T vẫn không thay đổi, khiến cho vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng, nên cả hai đã ly thân từ ngày 24/10/2024 cho đến nay. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị kiên quyết xin được ly hôn để giải phóng cho bản thân. Trong quá trình giải quyết vụ án anh T cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không đáng kể, không đến mức trầm trọng như chị D đã trình bày, nên anh xin được đoàn tụ.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án chị D và anh T đều xác định vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn. Quá trình xác minh làm việc tại UBND xã M nơi chị D và anh T đang cư trú, chính quyền địa phương cho biết hiện nay chị D đã về nhà bố mẹ đẻ tại xã V, huyện H, tỉnh Phú Thọ sinh sống, hai anh chị đã ly thân không còn chung sống từ 24/10/2024 cho đến nay. Tại các phiên tòa anh T đều không mặt để bày tỏ quan điểm của mình, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài,

mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị D được ly hôn anh T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị D và anh T xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Lại Duy K, sinh ngày 07/11/2014 và Lại Huy D1, sinh ngày 08/7/2016. Ly hôn chị D và anh T đều xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Xét thấy để đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và đảm bảo cho sự phát triển về việc học tập của các cháu, nên cần giao cho mỗi người nuôi dưỡng một cháu, cần giao cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng cháu nhỏ (cháu D1), anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu lớn (cháu K), hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau là phù hợp với điều kiện thực tế, phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: Chị D và anh T đều có quan điểm, không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét ý kiến của Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hòa tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Lại Tiến T.

[2]. Về con chung:

Xử: Giao cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lại Huy D1, sinh ngày 08/7/2016 và giao cho anh L Tiến Thành trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lại Duy K, sinh ngày 07/11/2014 kể từ tháng 4/2025 cho đến khi các cháu thành niên. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Chị D và anh T đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật, không ai được ngăn cản.

[3] Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: HĐXX không đặt ra giải quyết do chị D và anh T không yêu cầu.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003155 ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hạ Hòa. (Xác nhận chị D đã nộp đủ).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị D có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Anh T vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao, nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hạ Hòa;
- Đường sự;
- Chi cục THADS huyện Hạ Hòa;
- UBND xã M;
- Lưu HS - VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Hưng Thủy